TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

2. Ông Thạch Đa Ra

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm An Bình- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên, Kiểm sát viên.

Ngày 21tháng 8 năm 2023 tại điểm cầu phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh và Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số: 175/2023/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 về " Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Mỹ S1, sinh năm 1996 (Có mặt);

Địa chỉ: khóm 1, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Anh Phạm Nguyễn Anh T1, sinh năm 1995.

Địa chỉ: 28/7B, Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 1, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Con chung của chị S1, anh T1 có Phạm An An, sinh ngày 09/01/2014 và Phạm Thiên Đăng, sinh ngày 23/11/2017

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 15 tháng 6 năm 2023 chị Đặng Mỹ S1 trình bày:

Chị và anh Phạm Nguyễn Anh T1 tự quen biết nhau, được cha mẹ hai bên gia đình đồng ý cho anh chị tiến đến hôn nhân, và có đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vào ngày 13/10/2015.

Sau khi cưới chị về sống chung bên chồng, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, vợ chồng anh chị thường xuyên cải nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, gia đình không hạnh phúc, anh chị đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, không hàn gắn được.

Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S1 yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Phạm Nguyễn Anh T1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm An An, sinh ngày 09/01/2014 và Phạm Thiên Đăng, sinh ngày 23/11/2017 hiện đang sống chung với anh Phạm Nguyễn Anh T1. Chị S1 đồng ý giao cho anh Phạm Nguyễn Anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và chị S1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Mỹ S1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/7/2023 bị đơn anh Phạm Nguyễn Anh T1 bày:

Anh T1 thống nhất với lời trình bày của chị Đặng Mỹ S1 về thời gian chung sống, thời gian kết hôn và thời gian ly thân nhau. Anh T1 thừa nhận trong quá trình chung sống anh và chị S1 có 02 con chung tên Phạm An An, sinh ngày 09/01/2014 và Phạm Thiên Đăng, sinh ngày 23/11/2017 hiện 02 con chung đang sống chung với anh T1. Nay anh T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đặng Mỹ S1.

- Về con chung: Anh T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phạm An An, sinh ngày 09/01/2014 và Phạm Thiên Đăng, sinh ngày 23/11/2017 và không yêu cầu chị S1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh Phạm Nguyễn Anh T1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

- Về hôn nhân: Chị Đặng Mỹ S1 và anh Phạm Nguyễn Anh T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Đặng Mỹ S1 đồng ý giao con chung tên Phạm An An, sinh ngày 09/01/2014 và Phạm Thiên Đăng, sinh ngày 23/11/2017 cho anh Phạm Nguyễn Anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng và chị S1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T1 không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Mỹ S1 và anh Phạm Nguyễn Anh T1 thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án vị đề nghị: Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Mỹ S1 và anh Phạm Nguyễn Anh T1.Về con chung: Chấp nhận cho anh T1 được nuôi dưỡng con chung tên Phạm An An, sinh ngày 09/01/2014 và Phạm Thiên Đăng, sinh ngày 23/11/2017 và anh T1 không yêu cầu chị S1 phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Do bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Phạm Nguyễn Anh T1.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Đặng Mỹ S1 và anh Phạm Nguyễn Anh T1 xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có Giấy chứng nhận kết hôn của cơ quan có thẩm quyền cấp nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên chị S1 và anh T1 đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin thuận tình ly hôn, việc xin thuận tình ly hôn của chị S1 và anh T1 là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị S1 và anh T1 có 02 con chung tên Phạm An An, sinh ngày 09/01/2014 và Phạm Thiên Đăng, sinh ngày 23/11/2017, hiện đang sống chung với anh T1. Chị S1 thống nhất giao con chung cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng được sống chung với cha của con chưa thành niên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và chị S1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T1 không yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Đặng Mỹ S1 và anh Phạm Nguyễn Anh T1 thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Mỹ S1 và anh Phạm Nguyễn Anh T1 .

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Phạm An An, sinh ngày 09/01/2014 và Phạm Thiên Đăng, sinh ngày 23/11/2017 cho anh Phạm Nguyễn Anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng và chị S1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T1 không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Mỹ S1 và anh Phạm Nguyễn Anh T1 thống nhất khai không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Mỹ S1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015551 ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

5. Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thành phố Trà Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Trà Vinh;
- Các đương sự;
- UBND phường 2, Tp. Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Kiều Trang